

TỜ TRÌNH

**Về việc phân bổ kế hoạch vốn đầu tư phát triển ngân sách trung ương
giai đoạn 2021 - 2025, kế hoạch vốn kéo dài sang năm 2025 và kế hoạch vốn
năm 2025 thực hiện Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng
đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi**

Kính gửi: Hội đồng nhân dân xã Khe Sanh

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015;

Căn cứ Nghị quyết số 111/2024/QH15 ngày 18/01/2024 của Quốc hội về
một số cơ chế, chính sách đặc thù thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14/10/2021 của Thủ tướng
Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội
vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm
2021 đến năm 2025; Quyết định số 920/QĐ-TTg ngày 14/5/2025 điều chỉnh một
số nội dung của Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng
đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021
đến năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022
quy định cơ chế quản lý tổ chức thực hiện các Chương trình MTQG; Nghị định
số 38/2023/NĐ-CP ngày 24/6/2023 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định
số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính phủ;

Căn cứ Nghị quyết số 25/NQ-HĐND ngày 14/8/2025 của HĐND tỉnh
Quảng Trị về việc phê duyệt kế hoạch đầu tư công trung hạn 2021 - 2025 và
hàng năm của tỉnh Quảng Trị sau sắp xếp;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Kinh tế tại Tờ trình số 83/TTr-KT ngày
26/8/2025 về việc phân bổ kế hoạch vốn đầu tư phát triển ngân sách trung ương
giai đoạn 2021 - 2025, kế hoạch vốn kéo dài sang năm 2025 và kế hoạch vốn
năm 2025 thực hiện Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng
bào dân tộc thiểu số và miền núi;

Ủy ban nhân dân xã trình Hội đồng nhân dân xã phân bổ kế hoạch vốn
đầu tư phát triển ngân sách trung ương giai đoạn 2021 - 2025, kế hoạch vốn kéo

dài sang năm 2025 và kế hoạch vốn năm 2025 thực hiện Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi theo phụ lục đính kèm.

Tờ trình này Thay thế Tờ trình số 32/TTr-UBND ngày 14/8/2025 của UBND xã Khe Sanh.

UBND xã kính trình HĐND xã xem xét, thông qua./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- CT, các PCT UBND xã;
- Phòng Kinh tế;
- Phó CVP;
- Lưu: VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Thái Thị Nga

PHẦN BỐ VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CHƯƠNG TRÌNH MTQG PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI VÙNG ĐỒNG BẢO ĐTTTS VÀ MIỀN NÚI

NĂM 2025 VÀ VỐN KÉO DÀI SANG NĂM 2025

(Kèm theo Tờ trình số 48 /TT-UBND ngày 27/8/2025 của UBND xã Khe Sanh)

STT	Danh mục công trình	Chủ đầu tư	Mã dự án	Tổng cộng	Trong đó:		Tổng cộng	Giải ngân đến ngày 30/6/2025				Ghi chú	
					Vốn năm 2022, 2023, 2024 kéo dài sang năm 2025	Vốn phân bổ năm 2025		Thực chi	Tạm ứng	Thực chi	Tạm ứng		
													Vốn năm 2022, 2023, 2024 kéo dài sang năm 2025
	Tổng cộng												
I	Dự án 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt												
1	Hệ thống cấp nước thôn Vằng, Mãng Sóng xã Ba Tầng	Ban QLDA, PTQĐ và CCN	8037633	93.055.452.100	23.603.652.200	49.201.632.000	16.987.930.400	8.973.391.300	-	6.589.512.900	1.425.026.200	-	
2	Hệ thống nước sạch Ta Phường xã Hướng Lập	Ban QLDA, PTQĐ và CCN	8032480	1.635.000	-	1.635.000	-	-	-	-	-	-	
3	Công trình cấp nước thôn Ta Cu xã Húc	Ban QLDA, PTQĐ và CCN	8085047	542.500.000	-	542.500.000	460.685.000	-	-	460.685.000	-	-	
4	Công trình cấp nước thôn Cút, xã Hướng Sơn	Ban QLDA, PTQĐ và CCN	8085045	1.251.476.600	1.011.876.600	239.600.000	955.936.600	955.936.600	-	-	-	-	
5	Công trình hệ thống nước tưới chảy thôn Mỏn xã Hướng Linh	Ban QLDA, PTQĐ và CCN	8087076	2.720.150.100	1.207.650.100	1.512.500.000	2.398.916.100	1.207.650.100	-	1.191.266.000	-	-	
6	Hệ thống nước sạch Trĩ xã Hướng Lập	Ban QLDA, PTQĐ và CCN	8086758	595.078.400	250.078.400	345.000.000	432.516.400	250.078.400	-	182.438.000	-	-	
7	Hệ thống nước sạch Sẻ Pú xã Hướng Lập	Ban QLDA, PTQĐ và CCN	8086757	907.482.400	304.982.400	602.500.000	503.502.400	304.982.400	-	198.520.000	-	-	
8	Công trình cấp nước thôn Trĩ xã Hướng Sơn	Ban QLDA, PTQĐ và CCN	8138873	1.200.000.000	-	1.200.000.000	410.404.000	-	-	117.904.000	292.500.000	-	
9	Công trình cấp nước thôn Ra Ly, Rao xã Hướng Sơn	Ban QLDA, PTQĐ và CCN	8002018	3.381.000	3.381.000	-	-	-	-	-	-	-	
10	Hệ thống đường ống cấp nước và nhà vệ sinh khu tái định cư thôn Ra Ly, Rao	Ban QLDA, PTQĐ và CCN	8029548	33.804.000	33.804.000	-	-	-	-	-	-	-	
11	Hệ thống cấp nước thôn Ba Lang, Ba Tầng, Loai xã Ba Tầng	Ban QLDA, PTQĐ và CCN	8100667	3.557.770.600	1.763.288.600	1.794.482.000	1.152.325.000	1.152.325.000	-	-	-	-	
12	Nâng cấp, sửa chữa hệ thống nước sạch thôn Cú Bai xã Hướng Lập	Ban QLDA, PTQĐ và CCN	8139260	1.144.300.000	-	1.144.300.000	277.051.000	-	-	3.241.000	273.810.000	-	
13	Công trình cấp nước thôn Hồ, xã Hướng Sơn (giai đoạn 2)	Ban QLDA, PTQĐ và CCN	8141003	1.436.814.000	58.831.000	1.377.983.000	883.031.600	-	-	883.031.600	-	-	
14	Hỗ trợ nhà ở xã Hướng Tân	UBND xã Khe Sanh	8051097	1.120.000.000	600.000.000	520.000.000	836.000.000	400.000.000	-	436.000.000	-	-	
15	Hỗ trợ nhà ở xã Húc	UBND xã Khe Sanh	8044940	3.040.000.000	1.120.000.000	1.920.000.000	1.920.000.000	1.080.000.000	-	840.000.000	-	-	
16	Hỗ trợ nhà ở thị trấn Khe Sanh	UBND xã Khe Sanh	8045222	544.000.000	304.000.000	240.000.000	668.000.000	416.000.000	-	224.000.000	28.000.000	-	
II	Dự án 2: Quy hoạch sắp xếp, bố trí ổn định dân cư những nơi cần thiết												
1	Đầu tư xây dựng Khu tái định cư tập trung xã Húc	Ban QLDA, PTQĐ và CCN		14.963.000.000	11.097.656.300	13.197.000.000	741.000.000	741.000.000	-	-	-	-	
2	Đầu tư xây dựng Khu tái định cư tập trung xã Hướng Lập	Ban QLDA, PTQĐ và CCN		13.197.000.000	-	13.197.000.000	-	-	-	-	-	-	
III	Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc DTTS và MN và các đơn vị sự nghiệp công lập lĩnh vực dân tộc												
-	Tiêu đề dự án 1: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi												
1	Trường Tiểu học và THCS Hướng Việt; Hàng mục: 06 phòng học	Ban QLDA, PTQĐ và CCN	8114811	4.200.000.000	-	4.200.000.000	1.041.006.500	-	-	210.290.300	830.716.200	-	
2	Trường Mầm non Hướng Linh; Hàng mục: Nhà hiệu bộ, phòng học, phòng chức năng và hàng mục phụ trợ	Ban QLDA, PTQĐ và CCN xã	8141006	6.399.556.000	-	6.399.556.000	-	-	-	-	-	-	
3	Sân chơi, uống rào trường Tiểu học và THCS điểm Hà Lệt	Ban QLDA, PTQĐ và CCN xã	8032479	1.490.000	618.000	872.000	-	-	-	-	-	-	
4	Đường giao thông từ thôn Cút đi Khe Miếu, xã Hướng Sơn	Ban QLDA, PTQĐ và CCN xã	8137811	1.800.000.000	-	1.800.000.000	-	-	-	-	-	-	
5	Đường vào khu sản xuất Khu tái định cư thôn Sẻ Pú	Ban QLDA, PTQĐ và CCN	8028528	5.700.000	5.700.000	-	-	-	-	-	-	-	
6	Đường giao thông xã Lưu đi xã Xý	Ban QLDA, PTQĐ và CCN	8037632	56.412.000	56.412.000	-	56.412.000	-	-	-	-	-	
7	Cảng tràn, đường giao thông Ban 6 di Ban 7, xã Thuận	Ban QLDA, PTQĐ và CCN	8092585	60.933.000	60.933.000	-	50.937.000	-	-	-	-	-	
8	Đường giao thông thôn Pá Xua đi thôn Ra Ty xã Hướng Lộc	Ban QLDA, PTQĐ và CCN	8008816	48.055.000	48.055.000	-	48.055.000	-	-	-	-	-	
9	Nâng cấp, sửa chữa đường giao thông xã Hướng Việt	Ban QLDA, PTQĐ và CCN	8028526	33.396.000	33.396.000	-	1.925.000	-	-	-	-	-	

STT	Danh mục công trình	Chủ đầu tư	Đại diện Chủ đầu tư	Mã dự án	Tổng cộng	Trong đó:		Tổng cộng	Giải ngân đến ngày 30/6/2025				Ghi chú	
						Vốn năm 2022, 2023, 2024 kéo dài sang năm 2025	Vốn phân bổ năm 2025		Vốn năm 2022, 2023, 2024 kéo dài sang năm 2025	Thực chi	Tạm ứng	Thực chi		Tạm ứng
10	Đường giao thông thôn Tân Vinh đi thôn Rượu xã Hương Tân	Ban QLDA, PTQĐ và CCN			8033285	20.517.000	-	20.517.000	-					
11	Tiếp nối đường giao thông đi thôn Tả Rì 2.450m	UBND xã Khe Sanh	Văn phòng HĐND và UBND xã Khe Sanh	8104685	55.604.000	-	55.604.000	50.174.000			50.174.000			
12	Đường ra khu sản xuất muối thương thôn Văn Rì	UBND xã Khe Sanh	Văn phòng HĐND và UBND xã Khe Sanh	7990505	2.000	2.000	-	-	-					
13	Đường giao thông Văn Rì đi suối Tả Rì 1	UBND xã Khe Sanh	Văn phòng HĐND và UBND xã Khe Sanh	8052589	1.144.000	1.144.000	-	-	-					
14	Công trình thủy lợi Suối Tả Ca (Pa Xay)	UBND xã Khe Sanh	Văn phòng HĐND và UBND xã Khe Sanh	8105912	8.090.000	8.090.000	-	-	-					
15	Đường giao thông Tả Núc đi Húc Thương GD 2	UBND xã Khe Sanh	Văn phòng HĐND và UBND xã Khe Sanh	8053857	9.703.000	9.703.000	-	-	-					
16	Đường giao thông thôn Tả Núc đi Húc Thương GD3	UBND xã Khe Sanh	Văn phòng HĐND và UBND xã Khe Sanh	8118497	880.000.000	625.000.000	255.000.000	840.015.000	597.187.000	242.828.000				
17	Đường vào khu sản xuất muối La Mót thôn Húc Thương	UBND xã Khe Sanh	Văn phòng HĐND và UBND xã Khe Sanh		600.000.000		600.000.000							
18	Đường giao thông vào khu sản xuất thôn Tả Rung (Giáp đoạn 2)	UBND xã Khe Sanh	Văn phòng HĐND và UBND xã Khe Sanh		900.000.000	-	900.000.000	-						
19	Đường giao thông Cu Dông đi La Heng (Giáp đoạn 4)	UBND xã Khe Sanh	Văn phòng HĐND và UBND xã Khe Sanh		300.000.000	-	300.000.000	-						
20	Đường Tân Vinh ra khu sản xuất (từ nhà ông Quyền đến nghĩa địa thôn)	UBND xã Khe Sanh	Văn phòng HĐND và UBND xã Khe Sanh	7983513	17.261.000	17.261.000	-	-						
21	Đường nông thôn Tân Linh (Nhà ông Phúc đến nhà ông Niềm)	UBND xã Khe Sanh	Văn phòng HĐND và UBND xã Khe Sanh	7988314	17.345.000	17.345.000	-	-						
22	Đường nông thôn Tân Linh, xã Hương Tân (từ nhà ông Sơn đến nhà ông Cao Viết Thìn)	UBND xã Khe Sanh	Văn phòng HĐND và UBND xã Khe Sanh	8036203	10.383.000	10.383.000	-	-						
23	Đường thôn Trầm (từ nhà ông Do đến nhà ông Hồ K Vor)	UBND xã Khe Sanh	Văn phòng HĐND và UBND xã Khe Sanh	8110603	399.000.000	-	399.000.000	367.973.000		367.973.000				
24	Đường đi thôn Xa Rượu (từ đất trăn ông Hồ Văn Phụng đến đất ông Hồ Văn Quang GD3)	UBND xã Khe Sanh	Văn phòng HĐND và UBND xã Khe Sanh		950.000.000	-	950.000.000	-						
25	Đường lên thôn Tân Linh đi thôn Cua, xã Hương Tân (từ nhà ông Hà Khoa đến nhà ông Hồ Lê)	UBND xã Khe Sanh	Văn phòng HĐND và UBND xã Khe Sanh	8035516	10.712.000	10.712.000	-	-						
26	Hàng rào trường Mầm non Hương Tân (Điểm trường chính Hương Tân)	UBND xã Khe Sanh	Văn phòng HĐND và UBND xã Khe Sanh	8152115	614.000.000	-	614.000.000	-						
27	Xây dựng mới bếp ăn+ Sân bãi tổng điểm trường mầm non thôn Tả Đà	UBND xã Khe Sanh	Văn phòng HĐND và UBND xã Khe Sanh	8110599	264.000.000	-	264.000.000	244.162.000		244.162.000				
28	Xây dựng hàng rào Trường Tiểu học Hương Tân (Điểm trường mới xã Hương Tân)	UBND xã Khe Sanh	Văn phòng HĐND và UBND xã Khe Sanh	8065846	83.953.000	83.953.000	-	70.750.000						
29	Nhà văn hóa xã Hương Tân	UBND xã Khe Sanh	Văn phòng HĐND và UBND xã Khe Sanh		2.221.919.000	-	2.221.919.000	-						
30	Kê, hàng rào sân bãi tổng nhà SHVH CD thôn Tả Đà.	UBND xã Khe Sanh	Văn phòng HĐND và UBND xã Khe Sanh	7995954	2.702.000	2.702.000	-	-						
IV	Dự án 5: Phát triển giáo dục đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực				20.174.000.000		3.789.175.800	747.468.800		747.468.800				
	Tiểu dự án 1: Đổi mới hoạt động, củng cố phát triển các trường phổ thông dân tộc nội trú, trường phổ thông dân tộc bán trú, trường phổ thông có học sinh ở bán trú và xóa mù chữ cho người dân vùng đồng bào dân tộc thiểu số.				20.174.000.000		3.789.175.800	747.468.800		747.468.800				
1	Trường PTDTBTTH&THCS Hương Lộc: Hàng mục: 06 phòng học	Ban QLDA, PTQĐ và CCN			3.653.783.000	21.546.000	-	-						
2	Trường PTDTBTTH&THCS Hương Sơn: Hàng mục: 04 phòng học	Ban QLDA, PTQĐ và CCN			3.637.208.000	21.546.000	-	-						
3	Xây mới phòng ở cho HS bán trú Trường PTDTBT TH&THCS Hương Sơn	Ban QLDA, PTQĐ và CCN			900.528.000	5.415.000	-	-						
4	Xây mới phòng ở cho HS bán trú Trường PTDTBT TH&THCS Hương Lập	Ban QLDA, PTQĐ và CCN			1.026.820.000	6.498.000	-	-						
5	Xây mới phòng ở cho HS bán trú Trường TH&THCS Ba Tầng	Ban QLDA, PTQĐ và CCN			929.849.000	5.415.000	-	-						
6	Xây mới 04 phòng công vụ giáo viên Trường PTDTBT TH&THCS Hương Lập (điểm trường chính + điểm trường Cù Ba)	Ban QLDA, PTQĐ và CCN			575.872.000	3.420.000	-	-						
7	Xây mới 09 phòng công vụ giáo viên Trường PTDTBT TH&THCS Hương Sơn (các điểm trường: Nguồn Rào, Cát)	Ban QLDA, PTQĐ và CCN			1.159.859.000	0	-	-						
8	Xây mới 02 phòng công vụ giáo viên Trường PTDTBT TH&THCS Hương Lộc	Ban QLDA, PTQĐ và CCN			297.338.000	0	-	-						
9	Trường PTDTBT THCS Húc: Hàng mục: Nhà bếp, nhà ăn cho học sinh	Ban QLDA, PTQĐ và CCN			579.945.000	3.420.000	-	-						

Giải ngân đến ngày 30/6/2025

STT	Danh mục công trình	Chủ đầu tư	Đại diện Chủ đầu tư	Mã dự án	Tổng cộng	Trong đó:		Tổng cộng	Giải ngân đến ngày 30/6/2025				Ghi chú
						Vốn năm 2022, 2023, 2024 kéo dài sang năm 2025	Vốn phân bổ năm 2025		Vốn năm 2022, 2023, 2024 kéo dài sang năm 2025		Vốn phân bổ năm 2025		
									Thực chi	Tạm ứng	Thực chi	Tạm ứng	
10	Xây mới 12 phòng công vụ giáo viên Trường TH&THCS Ba Tầng (điểm trường chính, Măng Sóng)	Ban QLDA, PTQĐ và CCN			1.574.788.000	1.419.463.200	-	-					
11	Xây mới 02 phòng công vụ giáo viên Trường TH&THCS Hương Linh	Ban QLDA, PTQĐ và CCN			297.220.000	0	-	-					
12	Xây mới bếp ăn bán trú Trường PTĐTBT TH&THCS Hương Lấp	Ban QLDA, PTQĐ và CCN			468.865.000	0	-	-					
13	Xây dựng hệ thống thoát nước và hạng mục phụ trợ Trường TH và THCS Hương Linh	Ban QLDA, PTQĐ và CCN			472.093.000	0	-	-					
14	Xây mới bếp ăn bán trú Trường PTĐTBT THCS Ba Tầng	Ban QLDA, PTQĐ và CCN			469.882.000	0	-	-					
15	Sửa chữa, nâng cấp 06 công trình sinh hoạt (bao gồm nhà vệ sinh, sân chơi, công trình nước sạch) cho các trường Nội trú, bán trú	Ban QLDA, PTQĐ và CCN			1.163.593.000	6.863.000	-	-					
16	Trường PTĐTBT THCS Hương Phụng. Hạng mục: Sửa chữa sân chơi, sân thể dục	Ban QLDA, PTQĐ và CCN			373.750.000	373.750.000	19.216.800	19.216.800					
17	Trường PTĐTBT THCS Hương Phụng. Hạng mục: 04 phòng công vụ giáo viên	Ban QLDA, PTQĐ và CCN			591.982.000	3.420.000	-	-					
18	Trường PTĐTBT TH và THCS Hương Sơn. Hạng mục: xây mới nhà vệ sinh, sửa chữa 04 phòng ở học sinh	Ban QLDA, PTQĐ và CCN			700.134.000	700.134.000	-	-					
19	Trường PTĐTBT TH và THCS Hương Linh. Hạng mục: 04 phòng ở cho học sinh và các hạng mục phụ trợ	Ban QLDA, PTQĐ và CCN			1.300.491.000	1.218.285.600	728.252.000	728.252.000					
V	Dự án 6: Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch				6.634.092.000	1.029.911.000	5.604.181.000	1.829.684.000	892.684.000	-	937.000.000	-	
1	Nhà văn hóa truyền thống các dân tộc thiểu số và các hạng mục liên quan tại thôn Bua Việt, xã Hương Phụng	Ban QLDA, PTQĐ và CCN		8011235	10.710.000	10.710.000	-	-					
2	Nhà văn hóa truyền thống các dân tộc thiểu số và các hạng mục liên quan tại thôn Xay, xã Hương Phụng	Ban QLDA, PTQĐ và CCN		8011234	10.710.000	10.710.000	-	-					
3	Nhà văn hóa truyền thống các dân tộc thiểu số và các hạng mục liên quan tại thôn Trảng - Ta Phường, xã Hương Việt	Ban QLDA, PTQĐ và CCN		8037638	540.000	540.000	-	-					
4	Nhà văn hóa truyền thống các dân tộc thiểu số và các hạng mục liên quan tại bản Ka Tang, thị trấn Lao Bảo	Ban QLDA, PTQĐ và CCN		8037591	3.000.000	3.000.000	-	-					
5	Nhà sinh hoạt cộng đồng và khu sinh hoạt văn hóa thể thao ngoài trời thôn Xa Dung, xã Hương Việt	Ban QLDA, PTQĐ và CCN		8011233	20.229.000	20.229.000	-	-					
6	Nhà sinh hoạt cộng đồng và khu sinh hoạt văn hóa thể thao ngoài trời thôn Cheng, xã Hương Phụng	Ban QLDA, PTQĐ và CCN			2.759.582.000	5.401.000	2.754.181.000	-					
7	Nhà sinh hoạt cộng đồng thôn Húc Thượng	UBND xã Khe Sanh	Văn phòng HĐND và UBND xã Khe Sanh		950.000.000	-	950.000.000	-					
8	Nhà sinh hoạt cộng đồng thôn Ta Rung, xã Húc	UBND xã Khe Sanh	Văn phòng HĐND và UBND xã Khe Sanh	8142748	950.000.000	-	950.000.000	-					
9	Nhà sinh hoạt cộng đồng thôn Cu Deng, xã Húc	UBND xã Khe Sanh	Văn phòng HĐND và UBND xã Khe Sanh	8018399	19.992.000	19.992.000	-	-					
10	Nhà sinh hoạt cộng đồng thôn Ta Núc, xã Húc	UBND xã Khe Sanh	Văn phòng HĐND và UBND xã Khe Sanh	8111823	9.329.000	9.329.000	-	-					
11	Nhà sinh hoạt cộng đồng thôn Vạn Ri, xã Húc	UBND xã Khe Sanh	Văn phòng HĐND và UBND xã Khe Sanh	8141902	950.000.000	-	950.000.000	937.000.000	937.000.000		937.000.000		
12	Nhà sinh hoạt cộng đồng thôn Xa Ruông, xã Hương Tân	UBND xã Khe Sanh	Văn phòng HĐND và UBND xã Khe Sanh	8109100	950.000.000	950.000.000	-	892.684.000	892.684.000		-		

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
XÃ KHE SANH**

Số: /NQ-HĐND

DỰ THẢO

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Khe sanh, ngày tháng năm 2025

NGHỊ QUYẾT

Về việc phân bổ kế hoạch vốn đầu tư phát triển ngân sách trung ương giai đoạn 2021 - 2025, kế hoạch vốn kéo dài sang năm 2025 và kế hoạch vốn năm 2025 thực hiện Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN XÃ KHE SANH
KHÓA I, KỲ HỌP THỨ 3**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015;

Căn cứ Nghị quyết số 111/2024/QH15 ngày 18/01/2024 của Quốc hội về một số cơ chế, chính sách đặc thù thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025; Quyết định số 920/QĐ-TTg ngày 14/5/2025 điều chỉnh một số nội dung của Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 quy định cơ chế quản lý tổ chức thực hiện các Chương trình MTQG; Nghị định số 38/2023/NĐ-CP ngày 24/6/2023 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính phủ;

Căn cứ Nghị quyết số 25/NQ-HĐND ngày 14/8/2025 của HĐND tỉnh Quảng Trị về việc phê duyệt kế hoạch đầu tư công trung hạn 2021 - 2025 và hàng năm của tỉnh Quảng Trị sau sắp xếp;

Theo Tờ trình số /TTr-UBND ngày /8/2025 của Ủy ban nhân dân xã Khe Sanh về việc phân bổ kế hoạch vốn đầu tư phát triển ngân sách trung ương giai đoạn 2021 - 2025, kế hoạch vốn kéo dài sang năm 2025 và kế hoạch vốn năm 2025 thực hiện Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; Báo cáo thẩm tra số /BC-HĐND ngày /8/2025 của Ban Kinh tế - xã hội HĐND xã và ý kiến của đại biểu Hội đồng nhân dân xã tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phân bổ kế hoạch vốn đầu tư phát triển ngân sách trung ương giai đoạn 2021 - 2025, kế hoạch vốn kéo dài sang năm 2025 và kế hoạch vốn năm 2025 thực hiện Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi

Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân xã tổ chức thực hiện Nghị quyết.

Điều 3. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân xã, các Ban của Hội đồng nhân dân xã và đại biểu Hội đồng nhân dân xã phối hợp với Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã và các tổ chức thành viên của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã giám sát thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân xã Khóa I, kỳ họp thứ 3 thông qua ngày tháng 8 năm 2025 và có hiệu lực kể từ ngày thông qua./.

Nơi nhận:

- Thường trực HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh;
- Sở Tài chính;
- Sở Dân tộc và Tôn giáo;
- TTHU, HĐND, UBND, UBMTTQVN xã;
- Các Ban HĐND xã;
- Đại biểu HĐND xã;
- Các cơ quan chuyên môn thuộc xã;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Triều Thương

PHÂN BỐ VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CHƯƠNG TRÌNH MTOG TRÌNH PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI VÙNG ĐỒNG BẢO ĐTTTS VÀ MIỀN NÚI
NĂM 2025 VÀ VỐN KÉO DÀI SANG NĂM 2025
(Kèm theo Nghị quyết số: /NQ-HĐND ngày / 2025 của HĐND xã Khe Sanh)

STT	Đanh mục công trình	Chủ đầu tư	Đại diện Chủ đầu tư	Mã dự án	Tổng cộng	Trong đó:		Tổng cộng	Giải ngân đến ngày 30/6/2025			Ghi chú
						Vốn năm 2022, 2023, 2024 kéo dài sang năm 2025	Vốn phân bổ năm 2025		Vốn năm 2022, 2023, 2024 kéo dài sang năm 2025	Vốn phân bổ năm 2025		
										Thực chi	Tạm ứng	
	Tổng cộng											
I	Dự án 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt				93.055.452,100	23.603.652,200	49.201.632,000	16.987.930,400	8.973.391,300	6.589.512,900	1.425.026,200	
1	Hệ thống cấp nước thôn Vàng, Măng Sóng xã Ba Tầng	Ban QLDA, PTQĐ và CCN		8037633	17.091.000	17.091.000	-	-	-	-	-	
2	Hệ thống nước sạch Ta Pằng xã Hương Lập	Ban QLDA, PTQĐ và CCN		8032480	1.635.000	-	1.635.000	-	-	-	-	
3	Công trình cấp nước thôn Ta Cu xã Húc	Ban QLDA, PTQĐ và CCN		8085047	542.500.000	-	542.500.000	460.685.000	-	460.685.000	-	
4	Công trình cấp nước thôn Cát, xã Hương Sơn	Ban QLDA, PTQĐ và CCN		8085045	1.251.476.600	1.011.876.600	239.600.000	955.936.600	-	955.936.600	-	
5	Công trình hệ thống nước tự chảy thôn Mới xã Hương Linh	Ban QLDA, PTQĐ và CCN		8087076	2.720.150.100	1.207.650.100	1.512.500.000	2.398.916.100	1.207.650.100	1.191.266.000	-	
6	Hệ thống nước sạch Trĩ xã Hương Lập	Ban QLDA, PTQĐ và CCN		8086758	595.078.400	250.078.400	345.000.000	432.516.400	250.078.400	182.438.000	-	
7	Hệ thống nước sạch Sẻ Pù xã Hương Lập	Ban QLDA, PTQĐ và CCN		8086757	907.482.400	304.982.400	602.500.000	503.502.400	304.982.400	198.520.000	-	
8	Công trình cấp nước thôn Trĩa xã Hương Sơn	Ban QLDA, PTQĐ và CCN		8138873	1.200.000.000	-	1.200.000.000	410.404.000	-	117.904.000	292.500.000	
9	Công trình cấp nước thôn Ra Ly, Rao xã Hương Sơn	Ban QLDA, PTQĐ và CCN		8002018	3.381.000	3.381.000	-	-	-	-	-	
10	Hệ thống đường ống cấp nước và nhà vệ sinh khu tái định cư thôn Ra Ly, Rao	Ban QLDA, PTQĐ và CCN		8029548	33.804.000	33.804.000	-	-	-	-	-	
11	Hệ thống cấp nước thôn Ba Lông, Ba Tầng, Loax xã Ba Tầng	Ban QLDA, PTQĐ và CCN		8100667	3.557.770.600	1.763.288.600	1.794.482.000	1.152.325.000	-	-	-	
12	Nâng cấp, sửa chữa hệ thống nước sạch thôn Cù Ba xã Hương Lập	Ban QLDA, PTQĐ và CCN		8139260	1.144.300.000	-	1.144.300.000	277.051.000	-	3.241.000	273.810.000	
13	Công trình cấp nước thôn Hô, xã Hương Sơn (giai đoạn 2)	Ban QLDA, PTQĐ và CCN		8141003	1.436.814.000	58.831.000	1.377.983.000	883.031.600	-	883.031.600	-	
14	Hỗ trợ nhà ở xã Hương Tân	UBND xã Khe Sanh	Văn phòng HĐND và UBND xã Khe Sanh	8051097	1.120.000.000	600.000.000	520.000.000	836.000.000	400.000.000	436.000.000	-	
15	Hỗ trợ nhà ở xã Húc	UBND xã Khe Sanh	Văn phòng HĐND và UBND xã Khe Sanh	8044940	3.040.000.000	1.120.000.000	1.920.000.000	1.920.000.000	1.080.000.000	840.000.000	-	
16	Hỗ trợ nhà ở thị trấn Khe Sanh	UBND xã Khe Sanh	Văn phòng HĐND và UBND xã Khe Sanh	8045222	544.000.000	304.000.000	240.000.000	668.000.000	416.000.000	224.000.000	28.000.000	
II	Dự án 2: Quy hoạch sắp xếp, bố trí ổn định dân cư những nơi cần thiết				28.160.000.000	11.097.656.300	13.197.000.000	741.000.000	741.000.000	-	-	
1	Đầu tư xây dựng Khu tái định cư tập trung xã Húc	Ban QLDA, PTQĐ và CCN			14.903.000.000	11.097.656.300	-	741.000.000	741.000.000	-	-	
2	Đầu tư xây dựng Khu tái định cư tập trung xã Hương Lập	Ban QLDA, PTQĐ và CCN			13.197.000.000	-	13.197.000.000	-	-	-	-	
III	Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc DTTS và MN và các đơn vị sự nghiệp công lập lĩnh vực dân tộc				19.971.877.000	1.011.926.000	18.959.951.000	2.771.409.500	825.266.000	1.115.427.300	830.716.200	
-	Tiến độ dự án 1: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi				19.971.877.000	1.011.926.000	18.959.951.000	2.771.409.500	825.266.000	1.115.427.300	830.716.200	
1	Trường Tiểu học và THCS Hương Việt; Hàng mục: 06 phòng học	Ban QLDA, PTQĐ và CCN		8114811	4.200.000.000	-	4.200.000.000	1.041.006.500	-	210.290.300	830.716.200	
2	Trường Mầm non Hương Linh; Hàng mục: Nhà bếp bỏ, phòng học, phòng chức năng và hàng mục phụ trợ	Ban QLDA, PTQĐ và CCN xã		8141006	6.399.556.000	-	6.399.556.000	-	-	-	-	
3	Sân chơi, tường rào trường Tiểu học và THCS điểm Hà Lệt	Ban QLDA, PTQĐ và CCN xã		8032479	1.490.000	618.000	872.000	-	-	-	-	
4	Đường giao thông từ thôn Cát đi Khe Miếu, xã Hương Sơn	Ban QLDA, PTQĐ và CCN xã		8137811	1.800.000.000	-	1.800.000.000	-	-	-	-	
5	Đường vào khu sản xuất Khu tái định cư thôn Sẻ Pù	Ban QLDA, PTQĐ và CCN		8028528	5.700.000	5.700.000	-	-	-	-	-	
6	Đường giao thông xã Lia đi xã Xy	Ban QLDA, PTQĐ và CCN		8037632	56.412.000	56.412.000	-	56.412.000	-	56.412.000	-	
7	Cổng trấn, đường giao thông Bản 6 đi Bản 7, xã Thuận	Ban QLDA, PTQĐ và CCN		8092585	60.933.000	60.933.000	-	50.937.000	-	50.937.000	-	
8	Đường giao thông thôn Pá Xa đi thôn Ra Ty xã Hương Lặc	Ban QLDA, PTQĐ và CCN		8008816	48.055.000	48.055.000	-	48.055.000	-	48.055.000	-	
9	Nâng cấp, sửa chữa đường giao thông xã Hương Việt	Ban QLDA, PTQĐ và CCN		8028526	33.396.000	33.396.000	-	1.925.000	-	1.925.000	-	

STT	Danh mục công trình	Chủ đầu tư	Đại diện Chủ đầu tư	Mã dự án	Tổng cộng	Trong đó:		Tổng cộng	Giải ngân đến ngày 30/6/2025				Ghi chú	
						Vốn năm 2022, 2023, 2024 kéo dài sang năm 2025	Vốn phân bổ năm 2025		Vốn năm 2022, 2023, 2024 kéo dài sang năm 2025		Vốn phân bổ năm 2025			
									Thực chi	Tạm ứng	Thực chi	Tạm ứng		
10	Đường giao thông thôn Tân Vinh đi thôn Ruộng xã Hương Tân	Ban QLDA, PTQĐ và CCN	Văn phòng HĐND và UBND xã Khe Sanh	8033285	20.517.000	-	-	-	-	-	-	-	-	-
11	Tiếp nối đường giao thông đi thôn Tả Rí 2.450m	UBND xã Khe Sanh	Văn phòng HĐND và UBND xã Khe Sanh	8104685	55.604.000	-	-	55.604.000	50.174.000	-	-	50.174.000	-	-
12	Đường ra khu sản xuất suối thượng thôn Vạn Rì	UBND xã Khe Sanh	Văn phòng HĐND và UBND xã Khe Sanh	7990505	2.000	2.000	-	-	-	-	-	-	-	-
13	Đường giao thông Vạn Rì đi suối Tả Rí 1	UBND xã Khe Sanh	Văn phòng HĐND và UBND xã Khe Sanh	8052589	1.144.000	-	-	1.144.000	-	-	-	-	-	-
14	Công trình thủy lợi Suối Tả Ca (Pa Xay)	UBND xã Khe Sanh	Văn phòng HĐND và UBND xã Khe Sanh	8105912	8.090.000	-	-	8.090.000	-	-	-	-	-	-
15	Đường giao thông Tả Núc đi Húc Thượng GD 2	UBND xã Khe Sanh	Văn phòng HĐND và UBND xã Khe Sanh	8053857	9.703.000	-	-	9.703.000	-	-	-	-	-	-
16	Đường giao thông thôn Tả Núc đi Húc Thượng GD3	UBND xã Khe Sanh	Văn phòng HĐND và UBND xã Khe Sanh	8118497	880.000.000	625.000.000	255.000.000	625.000.000	840.015.000	597.187.000	-	242.828.000	-	-
17	Đường vào khu sản xuất đồi La Mới thôn Húc Thượng	UBND xã Khe Sanh	Văn phòng HĐND và UBND xã Khe Sanh	-	600.000.000	-	-	600.000.000	-	-	-	-	-	-
18	Đường giao thông vào khu sản xuất thôn Tả Rưng (Giáp đoạn 2)	UBND xã Khe Sanh	Văn phòng HĐND và UBND xã Khe Sanh	-	900.000.000	-	-	900.000.000	-	-	-	-	-	-
19	Đường giao thông Cu Dông đi La Heng (Giáp đoạn 4)	UBND xã Khe Sanh	Văn phòng HĐND và UBND xã Khe Sanh	-	300.000.000	-	-	300.000.000	-	-	-	-	-	-
20	Đường Tân Vinh ra khu sản xuất (Từ nhà ông Quyen đến nghĩa địa thôn)	UBND xã Khe Sanh	Văn phòng HĐND và UBND xã Khe Sanh	7983513	17.261.000	-	-	17.261.000	-	-	-	-	-	-
21	Đường nông thôn Tân Linh (Nhà ông Phúc đến nhà ông Niệm)	UBND xã Khe Sanh	Văn phòng HĐND và UBND xã Khe Sanh	7988314	17.345.000	-	-	17.345.000	-	-	-	-	-	-
22	Đường nông thôn Tân Linh, xã Hương Tân (từ nhà ông Sơn đến nhà ông Cao Việt Thuận)	UBND xã Khe Sanh	Văn phòng HĐND và UBND xã Khe Sanh	8036203	10.383.000	-	-	10.383.000	-	-	-	-	-	-
23	Đường thôn Trám (từ nhà ông Đa đến nhà ông Hồ K Voi)	UBND xã Khe Sanh	Văn phòng HĐND và UBND xã Khe Sanh	8110603	399.000.000	-	399.000.000	399.000.000	367.973.000	-	-	367.973.000	-	-
24	Đường đi thôn Xa Rường (Từ đất tram ông Hồ Văn Phụng đến đất ông Hồ Văn Quang GD3)	UBND xã Khe Sanh	Văn phòng HĐND và UBND xã Khe Sanh	-	950.000.000	-	-	950.000.000	-	-	-	-	-	-
25	Đường liên thôn Tân Linh đi thôn Cua, xã Hương Tân (từ nhà ông Hà Khoa đến nhà ông Hồ Lễ)	UBND xã Khe Sanh	Văn phòng HĐND và UBND xã Khe Sanh	8035516	10.712.000	-	-	10.712.000	-	-	-	-	-	-
26	Hàng rào trường Mầm non Hương Tân (Điểm trường chính Hương Tân)	UBND xã Khe Sanh	Văn phòng HĐND và UBND xã Khe Sanh	8152115	614.000.000	-	-	614.000.000	-	-	-	-	-	-
27	Xây dựng mới bếp ăn- Sân bê tông điểm trường mầm non thôn Tả Đà	UBND xã Khe Sanh	Văn phòng HĐND và UBND xã Khe Sanh	8110599	264.000.000	-	-	264.000.000	244.162.000	-	-	244.162.000	-	-
28	Xây dựng hàng rào Trường Tiểu học Hương Tân (Điểm trường mới xã đưng)	UBND xã Khe Sanh	Văn phòng HĐND và UBND xã Khe Sanh	8065846	83.953.000	-	83.953.000	83.953.000	70.750.000	70.750.000	-	-	-	-
29	Nhà văn hóa xã Hương Tân	UBND xã Khe Sanh	Văn phòng HĐND và UBND xã Khe Sanh	-	2.221.919.000	-	-	2.221.919.000	-	-	-	-	-	-
30	Kê, hàng rào sân bê tông nhà SHVH CD thôn Tả Đà	UBND xã Khe Sanh	Văn phòng HĐND và UBND xã Khe Sanh	7995954	2.702.000	-	-	2.702.000	-	-	-	-	-	-
IV	Dự án 5: Phát triển giáo dục đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực				20.174.000.000	3.789.175.800	-	3.789.175.800	747.468.800	747.468.800	-	-	-	-
	Tiểu dự án 1: Đổi mới hoạt động, củng cố phát triển các trường phổ thông dân tộc nội trú, trường phổ thông dân tộc bán trú, trường phổ thông có học sinh ở bán trú và xóa mù chữ cho người dân vùng đồng bào dân tộc thiểu số.				20.174.000.000	3.789.175.800	-	3.789.175.800	747.468.800	747.468.800	-	-	-	-
1	Trường PTDTBTTH&THCS Hương Lộc. Hàng mục: 06 phòng học	Ban QLDA, PTQĐ và CCN			3.653.783.000	21.546.000	-	21.546.000	-	-	-	-	-	-
2	Trường PTDTBTTH&THCS Hương Sơn. Hàng mục: 04 phòng học	Ban QLDA, PTQĐ và CCN			3.637.208.000	21.546.000	-	21.546.000	-	-	-	-	-	-
3	Xây mới phòng ở cho HS bán trú Trường PTDTBT TH&THCS Hương Sơn	Ban QLDA, PTQĐ và CCN			900.528.000	5.415.000	-	5.415.000	-	-	-	-	-	-
4	Xây mới phòng ở cho HS bán trú Trường PTDTBT TH&THCS Hương Lập	Ban QLDA, PTQĐ và CCN			1.026.820.000	6.498.000	-	6.498.000	-	-	-	-	-	-
5	Xây mới phòng ở cho HS bán trú Trường TH&THCS Ba Tầng	Ban QLDA, PTQĐ và CCN			929.849.000	5.415.000	-	5.415.000	-	-	-	-	-	-
6	Xây mới 04 phòng công vụ giáo viên Trường PTDTBT TH&THCS Hương Lập (điểm trường chính + điểm trường Cù Bai)	Ban QLDA, PTQĐ và CCN			575.872.000	3.420.000	-	3.420.000	-	-	-	-	-	-
7	Xây mới 09 phòng công vụ giáo viên Trường PTDTBT TH&THCS Hương Sơn (các điểm trường: Ngươn Rào, Cù Bai)	Ban QLDA, PTQĐ và CCN			1.159.859.000	0	-	0	-	-	-	-	-	-
8	Xây mới 02 phòng công vụ giáo viên Trường PTDTBT TH&THCS Hương Lộc	Ban QLDA, PTQĐ và CCN			297.338.000	0	-	0	-	-	-	-	-	-
9	Trường PTDTBT THCS Húc. Hàng mục: Nhà bếp, nhà ăn cho học sinh	Ban QLDA, PTQĐ và CCN			579.945.000	3.420.000	-	3.420.000	-	-	-	-	-	-

STT	Danh mục công trình	Chủ đầu tư	Đại diện Chủ đầu tư	Mã dự án	Tổng cộng	Trong đó:		Tổng cộng	Giải ngân đến ngày 30/6/2025			Ghi chú
						Vốn năm 2022, 2023, 2024 kéo dài sang năm 2025	Vốn phân bổ năm 2025		Vốn phân bổ năm 2025			
									Thực chi	Tạm ứng	Thực chi	
10	Xây mới 12 phòng công vụ giáo viên Trường TH&THCS Ba Tầng (điểm trường chính, Mãng Sòng)	Ban QLDA, PTQĐ và CCN			1.574.788.000	1.419.463.200	-					*
11	Xây mới 02 phòng công vụ giáo viên Trường TH&THCS Hướng Lĩnh	Ban QLDA, PTQĐ và CCN			297.220.000	0	-					
12	Xây mới bếp ăn bán trú Trường PTĐTBTH&THCS Hướng Lập	Ban QLDA, PTQĐ và CCN			468.865.000	0	-					
13	Xây dựng hệ thống thoát nước và hạng mục phụ trợ Trường TH và THCS Hướng Lĩnh	Ban QLDA, PTQĐ và CCN			472.093.000	0	-					
14	Xây mới bếp ăn bán trú Trường PTĐTBTHCS Ba Tầng	Ban QLDA, PTQĐ và CCN			469.882.000	0	-					
15	Sửa chữa, nâng cấp 06 công trình sinh hoạt (bao gồm nhà vệ sinh, sân chơi, công trình nước sạch) cho các trường Nội trú, bán trú	Ban QLDA, PTQĐ và CCN			1.163.593.000	6.863.000	-					
16	Trường PTĐTBTHCS Hướng Phùng, Hạng mục: Sửa chữa sân chơi, sân thể dục	Ban QLDA, PTQĐ và CCN			373.750.000	373.750.000		19.216.800				
17	Trường PTĐTBTHCS Hướng Phùng, Hạng mục: 04 phòng công vụ giáo viên	Ban QLDA, PTQĐ và CCN			591.982.000	3.420.000	-					
18	Trường PTĐTBTH và THCS Hướng Sơn, Hạng mục: xây mới nhà vệ sinh, sửa chữa 04 phòng ở học sinh	Ban QLDA, PTQĐ và CCN			700.134.000	700.134.000	-					
19	Trường PTĐTBTH và THCS Hướng Lĩnh, Hạng mục: 04 phòng ở cho học sinh và các hạng mục phụ trợ	Ban QLDA, PTQĐ và CCN			1.300.491.000	1.218.285.600		728.252.000				
V	Dự án 6: Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch				6.634.092.000	1.029.911.000	5.604.181.000	1.829.684.000	892.684.000	-	937.000.000	-
1	Nhà văn hóa truyền thống các dân tộc thiểu số và các hạng mục liên quan tại thôn Bạt Việt, xã Hướng Phùng	Ban QLDA, PTQĐ và CCN		8011235	10.710.000	10.710.000	-					
2	Nhà văn hóa truyền thống các dân tộc thiểu số và các hạng mục liên quan tại thôn Xảy, xã Hướng Phùng	Ban QLDA, PTQĐ và CCN		8011234	10.710.000	10.710.000	-					
3	Nhà văn hóa truyền thống các dân tộc thiểu số và các hạng mục liên quan tại thôn Tráng - Tạ Phùng, xã Hướng Việt	Ban QLDA, PTQĐ và CCN		8037638	540.000	540.000	-					
4	Nhà văn hóa truyền thống các dân tộc thiểu số và các hạng mục liên quan tại bản Ka Tang, thị trấn Lao Bảo	Ban QLDA, PTQĐ và CCN		8037591	3.000.000	3.000.000	-					
5	Nhà sinh hoạt cộng đồng và khu sinh hoạt văn hóa thể thao ngoài trời thôn Xa Dung, xã Hướng Việt	Ban QLDA, PTQĐ và CCN		8011233	20.229.000	20.229.000	-					
6	Nhà sinh hoạt cộng đồng và khu sinh hoạt văn hóa thể thao ngoài trời thôn Chưng, xã Hướng Phùng	Ban QLDA, PTQĐ và CCN			2.759.582.000	5.401.000	2.754.181.000	-				
7	Nhà sinh hoạt cộng đồng thôn Húc Thượng	UBND xã Khe Sanh	Văn phòng HĐND và UBND xã Khe Sanh		950.000.000	-	950.000.000	-				
8	Nhà sinh hoạt cộng đồng thôn Tạ Ràng, xã Húc	UBND xã Khe Sanh	Văn phòng HĐND và UBND xã Khe Sanh	8142748	950.000.000	-	950.000.000	-				
9	Nhà sinh hoạt cộng đồng thôn Cu Deng, xã Húc	UBND xã Khe Sanh	Văn phòng HĐND và UBND xã Khe Sanh	8018399	19.992.000	19.992.000	-	-				
10	Nhà sinh hoạt cộng đồng thôn Tạ Nặc, xã Húc	UBND xã Khe Sanh	Văn phòng HĐND và UBND xã Khe Sanh	8111823	9.329.000	9.329.000	-	-				
11	Nhà sinh hoạt cộng đồng thôn Vạn Rì, xã Húc	UBND xã Khe Sanh	Văn phòng HĐND và UBND xã Khe Sanh	8141902	950.000.000	-	950.000.000	937.000.000			937.000.000	
12	Nhà sinh hoạt cộng đồng thôn Xa Rường, xã Hướng Tân	UBND xã Khe Sanh	Văn phòng HĐND và UBND xã Khe Sanh	8109100	950.000.000	950.000.000	-	892.684.000			-	